

Quận 7, ngày 25 tháng 9 năm 2021

Biểu mẫu 01
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2021 – 2022

STT	Nội Dung	Nhà Trẻ	Mẫu Giáo
I	Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được	- Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu - Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay - Thực hiện 1 số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết và tránh 1 số nguy cơ không an toàn - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	-Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp -Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản tố chất trong vận động - Thực hiện và phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tai , mắt - Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt, có 1 số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe - Khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
II	Mức độ về năng	- Biểu lộ sự nhận thức về	- Thể hiện ý thức về bản

	lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được	bản thân - Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi - Thực hiện hành vi xã hội đơn giản - Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc, tô màu, vẽ nặn, xếp hình, xem tranh. - Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ lời nói - Nghe hiểu lời nói	thân - Thể hiện sự tự tin , tự lực - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh - Hành vi và qui tắc ứng xử xã hội quan tâm đến môi trường - Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản - Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật và thể hiện sự sáng tạo qua cách tham gia các hoạt động nghệ thuật.
III	Chương trình chăm sóc giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	- Chương trình giáo dục nhà trẻ.	- Chương trình giáo dục mẫu giáo.
		- Môi trường hoạt động thông thoáng, sạch sẽ	- Môi trường thông thoáng sạch sẽ đủ diện tích trẻ

IV	Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục	- Có đầy đủ đồ dùng cá nhân cho mỗi trẻ - Môi trường luôn đảm bảo an toàn cho trẻ về mọi mặt - Theo dõi sức khỏe trẻ và có chế độ khám sức khỏe định kỳ.	hoạt động - Có đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học đồ chơi phù hợp từng lứa tuổi - Có đầy đủ đồ dùng cá nhân cho mỗi trẻ - Luôn đảm bảo an toàn cho trẻ và có chế độ khám sức khỏe định kỳ
-----------	--	--	--

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Tú Trinh

Quận 7, ngày 25 tháng 9 năm 2021

Biểu mẫu 02

THÔNG BÁO

**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2021 - 2022**

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			6-18 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	106	6	14	56	152	203	216
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày							
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	106	6	14	56	152	203	216
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe							
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	106	6	14	56	152	203	216
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	106	6	14	56	152	203	216
1	Số trẻ cân nặng bình thường							
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì							

VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	106	6	14	56			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	571				152	203	216

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Tú Trinh

Quận 7, ngày 25 tháng 5 năm 2021

Biểu mẫu 3
THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	1,98m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.334,7 m ²	6,40 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	546,95	0,80 m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	110 m ²	2,75 m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	12,96 m ²	0,32m ² /01 trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	463,3 m ²	11,58 m ²
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	120 m ²	3 m ²
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	60 m ²	1,5 m ²
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	220	5,5 m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	0	Đủ theo thông tư 02
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	07	Số bộ/sân chơi

			(trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	01 (01 máy chiếu) 01 bảng tương tác	
	- Ti vi	23	20 thiết bị/lớp
	0 Nhạc cụ (Đàn Organ, ghi ta, trống	20	Thiết bị/ lớp; 02 Phòng Nghệ thuật
	Máy máy photo		
	Catsset		
	Đầu Video/ Đầu đĩa	20	
	Thiết bị khác		
	Bàn ghế đúng quy cách	20	
	Thiết bị khác: Vi tính	10	

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20	20	20		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Tú Trinh

Quận 7, ngày 25 tháng 9 năm 2021

Biểu mẫu 4
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên.	63			35	9	7	5	14	18	14	33	11		
	- Biên chế, hợp đồng Quận, HĐ 68	63			35	9	7	5	14	18	14	33	11		
	Hợp đồng ngoài														
I	Giáo viên	44			33	8	4								
	GV BC	44													
	Giáo viên HĐ	/			33	8	4								
1	Nhà trẻ	14			7	4	3								
2	Mẫu giáo	30			25	4	1								
II	Cán bộ quản lý	3			2	1									
1	Hiệu trưởng	1			1										
2	Phó hiệu trưởng	2			2										
III	Nhân viên	16			1	2	4	5							

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Thủ quỹ	1				1									
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	12													
	- Thư viện														
	- Phong trào														
	- CS cây														
	- Cấp dưỡng	6					1	3							
	- Phòng giặt	1													
	- Bảo vệ	3													
	- NVphục vụ	3													

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Tú Trinh

